

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 23 - 4 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Tân Sinh

2. Ông Phạm Thế Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974, ông Lê Sĩ T1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số E, thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Điều có mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Hoàng H, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Đội X, thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Lê Sĩ T1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày ngày 18/10/2019 (dương lịch) tức ngày 20/9/2019 (âm lịch), vợ chồng bà T, ông T1 có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, ông Đinh Hoàng H vay số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu đồng) để đầu tư làm Đại lý phân bón, khi vay ông H, bà T2 có ký Biên nhận vay tiền ngày ngày 20/9/2019 (âm lịch), các bên thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 01 năm, với lãi suất 2%/1 tháng nhưng đến hạn trả nợ vợ chồng bà T2, ông H không trả cho vợ chồng bà T, ông T1, sau nhiều lần đòi đến ngày 29/3/2024 (dương lịch) tức ngày 20/02/2024 (âm lịch) vợ chồng ông H, bà T2 mới trả cho vợ chồng ông bà được 100.000.000 đồng. Từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông H, bà T2 chưa trả cho vợ chồng ông T1, bà T khoản tiền lãi nào.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho vợ chồng ông bà, nay ông T1, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, ông Đinh Hoàng H phải trả đủ cho ông bà số tiền gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và ông T1, bà T không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, ông Đinh Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cô tình vắng mặt, ông bà có gửi văn bản trình bày ý kiến như sau :*

Vào năm 2010, vợ chồng ông bà có mở Đại lý phân bón ở Ngã 3 Q bán phân bón trước cho bà con nông dân rồi đến mùa thu hoạch xong mới thanh toán nên thiếu vốn phải vay tiền ngoài trong đó có có vay tiền của ông T1, bà T như đã khởi kiện. Từ khi vay năm 2019 cho đến ngày 18/3/2024 vợ chồng ông bà trả đủ gốc, lãi đầy đủ và còn nợ lại ông T1, bà T 120.000.000 đồng chưa trả được. Vì bà con nông dân mua phân bón của vợ chồng ông bà chưa trả nên vợ chồng ông bà chưa có tiền để trả nợ cho vợ chồng ông T1, bà T. Vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng ông bà xin được trả dần cho vợ chồng ông T1, bà T khoản tiền nợ nêu trên.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk:***

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Lê Sĩ T1; buộc bị đơn ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Lê Sĩ T1 số tiền gốc 130.000.000 đồng. Về tiền lãi nguyên đơn không tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt không tham gia làm việc, đôi chất, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của vợ chồng ông H, bà T2 là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho ông bà số tiền gốc 130.000.000 đồng và không tính lãi, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Bị đơn ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 cư trú tại thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về số tiền các bên giao dịch: Bị đơn thừa nhận có giao kết ký Biên nhận tiền của vợ chồng nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T vào ngày 18/10/2019 (dương lịch) tức ngày 20/9/2019 (âm lịch), theo nội dung của Biên nhận tiền xác định vợ chồng ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 đã vay vợ chồng ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay và lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Như vậy, vợ chồng ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 vay tiền của vợ chồng ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T là có thật.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T:

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho ông bà số tiền gốc là 130.000.000 đồng và để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc Biên nhận tiền ngày 18/10/2019 (dương lịch) tức ngày 20/9/2019 (âm lịch) có chữ ký của bên nhận vay tiền và nội dung xác định vợ chồng ông H, bà T2 vay vợ chồng ông T1, bà T với số tiền 230.000.000 đồng và nguyên đơn ông T1, bà T cho rằng bị đơn ông H, bà T2 mới trả cho ông bà được 100.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 130.000.000 đồng tiền gốc, còn lãi chưa trả từ khi vay tiền cho đến nay.

Xét ý kiến của bị đơn ông H, bà T2 cho rằng đã trả cho nguyên đơn ông T1, bà T số tiền 110.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 120.000.000 đồng. Tuy nhiên ông H, bà T2 không có tài liệu chứng cứ chứng minh và nguyên đơn ông T1, bà T không thừa nhận bị đơn đã trả số tiền 110.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng; đồng thời bị đơn ông H, bà T2 gửi tài liệu các lần trả cho nguyên đơn ông T, bà T1 tổng số tiền là 100.000.000 đồng cho nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến bị đơn ông H, bà T2 cho rằng đã trả nguyên đơn ông T1, bà T1 số tiền gốc 110.000.000 đồng mà xác định ông H, bà T2 mới trả cho nguyên đơn ông T1, bà T 100.000.000 đồng và còn nợ lại ông T1, bà T số tiền 130.000.000 đồng là phù hợp.

Xét ý kiến bị đơn ông H, bà T2 cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần tiền gốc cho ông T1, bà T. Tuy nhiên nguyên đơn ông T1, bà T không đồng ý cho trả dần, vì ông bà cho rằng đã tạo điều kiện cho bị đơn và không tính lãi suất, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà T2 trả 01 lần theo quy định pháp luật cho nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của ông H, bà T2.

Như vậy, việc ký vay tiền của bị đơn vợ chồng ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự cho nên giao dịch vay tiền trong Biên nhận vay tiền ngày 18/10/2019 (dương lịch) tức ngày 20/9/2019 (âm lịch) mà vợ chồng ông T1, bà T cho vợ chồng ông H, bà T2 vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật, đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; việc vợ chồng ông H, bà T2 không trả nợ cho vợ chồng ông T1, bà T như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T, buộc bị đơn vợ chồng ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T số tiền 130.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

Về lãi suất do nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T số tiền 3.250.000 đồng mà ông bà đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA /2023/0008548 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T.
- Buộc bị đơn ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T số tiền là: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lê Sĩ T1, bà Nguyễn Thị T số tiền 3.250.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA /2023/0008548 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn ông Đinh Hoàng H, bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.500.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện Krông Ana;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thành